

Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ28,200
Tiềm năng tăng/giảm: 6.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (31/7/2025)	26,450
Mã Bloomberg	HDB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	18,200-28,450
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	27,013
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	924,443
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	35,285
Slg CP lưu hành (tr.đv)	3,495
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	6,116
Slg CP NN được mua (tr.đv)	22.8
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	17.5%
Tỷ lệ sở hữu của NN	17.4%
Tỷ lệ freefloat	71.4%
Cổ đông lớn	Sovico (14.4%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	697	839	1,012
Dư nợ cho vay (ntđ)	442	559	707
Tổng thu nhập HD (ntđ)	34.0	38.5	45.5
Lợi nhuận thuần (ntđ)	12.9	15.3	18.5
BVPS (đồng)	15,674	19,514	24,299
EPS (đồng)	3,686	4,373	5,291
DPS (đồng)	1,000	500	500
T.trưởng cho vay KH (%)	28.9	26.4	26.5
T.trưởng thu nhập HD (%)	28.8	13.2	18.2
Tăng trưởng EPS (%)	27.0	18.6	21.0
Tăng trưởng DPS (%)	0	(50.0)	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	27.1	11.4	9.45
ROAE (%)	26.0	25.0	24.3
ROAA (%)	1.98	1.99	2.00
Tỷ lệ NIM (%)	5.53	4.81	4.76
Tỷ lệ CIR (%)	35.2	33.6	31.8
Hệ số CAR (%)	14.0	13.5	13.0
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.93	1.99	1.97
LLR/nợ xấu (%)	68.7	59.6	63.2
Hệ số LDR (%)	101	104	106
P/B (lần)	1.69	1.36	1.09
P/E (lần)	7.18	6.05	5.00
Lợi suất cổ tức (%)	3.78	1.89	1.89

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

HDB là một ngân hàng có sự cân bằng giữa rủi ro và lợi nhuận và giữa ngân hàng truyền thống và cho vay tiêu dùng

Chuyên viên phân tích

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Nguyễn Bảo Ngọc

Chuyên Viên, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ngoc.nguyenbao@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Q2/2025: Tổng thu nhập hoạt động vững chắc nhưng chi phí dự phòng tăng mạnh

- HDB đã công bố KQKD trái chiều với LNTT Q2/2025 đạt 4.713 tỷ đồng (tăng 13,9%). LNTT 6 tháng đầu năm 2025 đạt 10.068 tỷ đồng (tăng 23,3%), hoàn thành 50,6% dự báo cả năm 2025 của chúng tôi. Mặc dù KQKD Q2 không đạt kỳ vọng, lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2025 vẫn sát với dự báo của chúng tôi.
- Trong Q2, tổng thu nhập hoạt động tăng 40% so với cùng kỳ nhờ tín dụng tăng trưởng mạnh mẽ (tăng 14% so với quý trước và tăng 15,3% so với đầu năm), tỷ lệ NIM hồi phục (tăng 108 điểm cơ bản so với quý trước) cùng thu nhập phí tích cực. Tuy nhiên, những kết quả tốt này đã bị bù trừ bởi chi phí dự phòng tăng mạnh 268% so với cùng kỳ, gây sức ép lên lợi nhuận.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 20% trong 1 tháng qua, HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu cho HDB.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2025

HDB đã công bố LNTT Q2/2025 tích cực đạt 4.713 tỷ đồng, tăng 13,9% so với cùng kỳ nhưng giảm 12% so với quý trước, thấp hơn 4% so với dự báo của chúng tôi. Trong đó, lợi nhuận HĐKD cốt lõi tăng trưởng mạnh mẽ nhờ tổng thu nhập hoạt động tăng 40% so với cùng kỳ, được thúc đẩy bởi: Tín dụng tăng trưởng mạnh mẽ, tỷ lệ NIM cải thiện và thu nhập phí tăng. Tuy nhiên, chi phí dự phòng tăng mạnh 268% so với cùng kỳ đã gây áp lực lên lợi nhuận thuần.

Tăng trưởng tín dụng tăng tốc, vượt dự báo của chúng tôi

Tăng trưởng tín dụng tăng tốc trong Q2/2025, chuyển biến tích cực sau khi chững lại trong Q1. Tổng dư nợ tín dụng tăng 14% so với quý trước và tăng 15,3% kể từ đầu năm, vượt xa mức tăng của cả ngành (tăng 9,9%). Trong đó, tăng trưởng kể từ đầu năm được dẫn dắt bởi phân khúc DNNVV và doanh nghiệp lớn (tăng 24%) trong khi phân khúc bán lẻ vẫn ảm đạm (giảm 1%).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 1/8.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD, HDB

	Hợp nhất				Ngân hàng mẹ			
(Tỷ đồng)	Q2/25	% sv cùng kỳ	6T25	% sv cùng kỳ	Q2/25	% sv cùng kỳ	6T25	% sv cùng kỳ
Thu nhập lãi thuần	9,819	27%	17,227	16%	8,395	32%	14,402	18%
Thu nhập ngoài lãi	1,744	204%	3,517	202%	1,454	520%	2,946	447%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	1,332	493%	2,065	255%	1,094	N/a	1,603	1154%
Lãi thuần HĐKD	424	37%	612	26%	429	41%	638	33%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	261	N/a	633	N/a	261	N/a	633	N/a
Thu nhập khác	(272)	N/a	206	28%	(330)	N/a	72	N/a
Tổng thu nhập HĐ	11,636	40%	20,840	30%	9,849	49%	17,348	36%
Chi phí HĐ	(2,782)	-8%	(5,307)	-3%	(2,176)	-11%	(4,073)	-6%
Lợi nhuận HĐ trước trích lập dự phòng	8,854	68%	15,534	47%	7,673	84%	13,275	57%
Chi phí dự phòng	(4,141)	268%	(5,466)	128%	(3,436)	819%	(4,012)	352%
LNTT	4,713	14%	10,068	23%	4,237	12%	9,263	22%
Lợi nhuận thuần	3,676	13%	8,034	24%	3,286	10%	7,374	23%

Nguồn: HDB, HSC

Cơ cấu tín dụng theo ngành, những động lực tăng trưởng chính bao gồm: Ngành xây dựng (tăng 47%), bán buôn & bán lẻ (tăng 25%) và BĐS (tăng 17%).

Đối với huy động, tổng huy động (bao gồm tiền gửi và giấy tờ có giá) tăng 1,6% so với quý trước và tăng 8,4% so với đầu năm - chậm hơn tốc độ tăng trưởng tín dụng. Do đó, hệ số LDR điều chỉnh tăng lên 92% từ 82% tại thời điểm cuối Q2/2025.

Tỷ lệ NIM hồi phục mạnh nhất trong số các NHTM trong phạm vi phân tích của chúng tôi

Tỷ lệ NIM hồi phục 108 điểm cơ bản so với quý trước lên 5,8% (giảm 2 điểm cơ bản so với cùng kỳ - gần như đi ngang), mức hồi phục mạnh nhất so với quý trước trong số các NHTM trong phạm vi phân tích của chúng tôi. Đồng thời, HDB cũng là Ngân hàng có NIM Q2/2025 cao nhất trong nhóm NHTM chúng tôi phân tích. Sự cải thiện này là nhờ:

- Lợi suất gộp tăng 107 điểm cơ bản so với quý trước, tăng mạnh hơn đáng kể so với chi phí huy động (tăng 20 điểm cơ bản).
- Hệ số LDR điều chỉnh tăng lên sau khi tối ưu hóa bảng CĐKT.

Nhìn vào cơ cấu lợi suất tài sản, lợi suất cho vay đã giảm 50 điểm cơ bản so với quý trước. Tuy nhiên, điều này đã được bù đắp nhờ "thu nhập tín dụng khác" tăng mạnh, bao gồm phí cam kết cấp tín dụng và phí liên quan đến hoạt động cho vay khác, tăng 188% so với quý trước và tăng 299% so với cùng kỳ trong Q2/2025. Mức tăng này phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ của Ngân hàng trong quý, đồng thời giúp nâng cao đáng kể tổng thu nhập lãi.

Thu nhập ngoài lãi tăng mạnh nhờ lãi thuần HĐ dịch vụ, lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối và lãi mua bán trái phiếu

Thu nhập ngoài lãi tăng 204% so với cùng kỳ đạt 1.744 tỷ đồng trong Q2, cụ thể như sau:

- Lãi thuần HĐ dịch vụ: 1.322 tỷ đồng (tăng 493% so với cùng kỳ)
- Lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối: 424 tỷ đồng (tăng 37% so với cùng kỳ)
- Lãi mua bán trái phiếu: 261 tỷ đồng (so với lỗ 50 tỷ đồng trong Q2/2024).

Tuy nhiên, HDB ghi nhận lỗ 272 tỷ đồng trong 'thu nhập khác'. Dù BCTC không thuyết minh chi tiết, khoản mục này khả năng là bất thường và mang tính không thường xuyên.

Chất lượng tài sản đối mặt với sức ép mặc dù chi phí dự phòng gia tăng

Tỷ lệ nợ xấu tăng lên 2,54% từ 2,37% trong Q1/2025 và 1,93% trong Q4/2024, phản ánh rủi ro tín dụng gia tăng mặc dù Ngân hàng đã đẩy mạnh trích lập dự phòng.

Nợ xấu mới hình thành (nợ xấu mới/dư nợ bình quân) tăng lên 1,26% (so với 0,81% trong Q1/2025 và bình quân năm 2024 ở mức 0,29%)

Chi phí dự phòng cũng ghi nhận tăng với chi phí tín dụng (chi phí dự phòng/dư nợ bình quân) tăng lên 0,87% - cao hơn đáng kể so với bình quân 5 năm qua ở mức 0,33% - nhưng vẫn không đủ để cải thiện tình hình nợ xấu.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu tăng 20% trong 1 tháng qua, hồi phục sau diễn biến kém tích cực trong 6 tháng đầu năm 2025, HDB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2025 là 1,38 lần, so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,31 lần, với hệ số ROE dự phóng năm 2025 ở mức 21,9% (cao hơn so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 17,2%).

Do tiềm năng tăng giá so với giá mục tiêu hiện tại hạn chế, HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	52.6	57.9	65.6	80.3	97.2
Chi phí lãi	(30.5)	(27.0)	(32.9)	(41.0)	(49.1)
Thu nhập lãi thuần	22.2	30.9	32.7	39.4	48.1
Lãi thuần HĐ dịch vụ	2.19	1.42	2.69	3.43	4.01
Lãi thuần HĐ KDNH	0.56	0.84	0.93	1.02	1.13
Lãi/lỗ từ mua bán CK	1.21	0.14	1.00	0.40	0.40
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.01	0	0	0	0
Thu nhập khác	0.26	0.71	1.16	1.27	1.40
Tổng thu nhập HĐ	26.4	34.0	38.5	45.5	55.0
Chi phí HĐ	(9.13)	(12.0)	(12.9)	(14.4)	(16.7)
LN trước dự phòng	17.3	22.0	25.5	31.0	38.3
Chi phí dự phòng	(4.27)	(5.32)	(5.70)	(7.09)	(8.50)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	13.0	16.7	19.8	23.9	29.8
Chi phí thuế TNDN	(2.68)	(3.34)	(3.97)	(4.79)	(5.96)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.27)	(0.48)	(0.59)	(0.66)	(0.72)
Lợi nhuận thuần	10.1	12.9	15.3	18.5	23.1
EPS (đồng)	2,901	3,686	4,373	5,291	6,616
DPS (đồng)	1,000	1,000	500	500	500
Sig CP bình quân (triệu đv)	3,471	3,495	3,495	3,495	3,495
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	3,471	3,477	3,477	3,477	3,477
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	3,973	3,979	3,979	3,979	3,979

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	2.81	3.11	5.38	6.67	8.14
Tiền gửi tại NHNN	41.5	26.7	27.1	33.6	40.9
Tiền gửi tại các TCTD khác	96.5	102	109	115	120
Chứng khoán kinh doanh	18.6	22.0	24.2	26.6	29.2
Các công cụ tài chính phái sinh	0.11	0	0.04	0.04	0.05
Số dư cho vay thuần	339	437	553	698	870
Tổng dư nợ cho vay	343	442	559	707	881
Dự phòng rủi ro	(4.05)	(5.88)	(6.63)	(8.79)	(10.9)
Chứng khoán đầu tư	44.1	48.8	53.6	59.0	64.9
CK đầu tư sẵn sàng để bán	31.9	31.4	34.5	38.0	41.8
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	12.3	17.4	19.2	21.1	23.2
Dự phòng rủi ro	(0.08)	(0.09)	(0.10)	(0.11)	(0.12)
Đầu tư dài hạn	0.14	0.86	0.86	0.86	0.86
Tài sản cố định	1.42	1.77	1.87	1.96	2.07
Tài sản khác	57.8	56.0	64.1	70.3	77.1
Tổng tài sản	602	697	839	1,012	1,214
Nợ phải trả	556	641	769	925	1,101
Tiền gửi của NHNN	0.03	0.02	0.02	0.02	0.02
Tiền gửi của các TCTD khác	112	99.5	108	119	128
Tổng tiền gửi KH	371	438	538	667	814
Trái phiếu và CCTG	50.9	81.3	99.8	115	132
Nợ khác	22.1	22.4	22.7	24.2	27.4
Vốn chủ sở hữu	44.5	54.5	67.8	84.5	109
Vốn điều lệ	29.1	35.1	35.1	35.1	35.1
Thặng dư vốn cổ phần	0.54	0.54	0.54	0.54	0.54
Lợi nhuận giữ lại	10.6	13.0	24.1	38.1	59.6
Quỹ & vốn khác của CSH	4.71	6.31	8.51	11.2	14.5
Lợi ích cổ đông thiểu số	1.93	2.17	2.41	2.71	3.09
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	602	697	839	1,012	1,214
BVPS (đồng)	12,811	15,674	19,514	24,299	31,438

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	44.7	15.8	20.3	20.6	19.9
Tăng trưởng cho vay KH (%)	30.1	28.9	26.4	26.5	24.6
Tăng trưởng huy động KH (%)	71.8	18.0	23.0	24.0	22.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	62.2	23.0	22.9	22.6	21.0
Tăng trưởng VCSH (%)	20.3	22.5	24.5	24.5	29.4
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	23.2	39.3	5.84	20.3	22.2
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	5.78	31.2	8.06	11.6	15.9
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	29.6	27.5	16.0	21.5	23.5
Tăng trưởng LNTT (%)	26.8	28.4	18.8	20.6	24.5
Tăng trưởng LN thuần (%)	30.0	27.9	18.6	21.0	25.0

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	5.19	5.23	5.01	4.91	4.95
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.79)	(1.84)	(1.69)	(1.56)	(1.50)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	84.9	85.9	88.6	89.4	90.0
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.52	1.84	1.98	2.23	2.57
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	28.5	34.9	40.3	47.5	58.0

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	9.12	7.18	6.05	5.00	4.00
P/B (lần)	2.06	1.69	1.36	1.09	0.84
Lợi suất cổ tức (%)	3.78	3.78	1.89	1.89	1.89

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	38.1	37.9	39.7	40.7	42.0
ROAA (%)	1.98	1.98	1.99	2.00	2.08
ROAE (%)	24.7	26.0	25.0	24.3	23.9
Chi phí huy động BQ (%)	6.79	4.68	4.83	4.97	4.98
Lợi suất góp BQ (%)	12.2	10.4	9.65	9.71	9.71
Lợi suất thuần (%)	5.38	5.68	4.82	4.74	4.73
Tỷ lệ NIM (%)	5.13	5.53	4.81	4.76	4.80
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	8.28	4.17	6.98	7.55	7.29
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	84.0	90.9	85.0	86.5	87.4
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	7.73	4.96	8.04	5.91	5.32
Tỷ lệ CIR (%)	34.6	35.2	33.6	31.8	30.4
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	34.5	27.1	11.4	9.45	7.56

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	12.6	14.0	13.5	13.0	13.0
VCSH/Tổng TS (%)	7.38	7.81	8.09	8.35	9.00
Đòn bẩy vốn (lần)	13.5	12.8	12.4	12.0	11.1

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.79	1.93	1.99	1.97	2.94
Hệ số LLR (%)	65.8	68.7	59.6	63.2	42.0

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	92.6	101	104	106	108
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	21.0	16.1	14.5	13.2	11.9
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	57.0	63.5	66.6	69.9	72.6

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	353	369	379	389	399
Số lượng nhân viên	17,345	18,533	19,460	20,433	21,454

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn